



Bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

■ Bùi Minh Thuận

Viện KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Hiện nay, Nghệ An là tỉnh rộng nhất trong cả nước, với diện tích tự nhiên là 16.490,25 km², nằm ở trung tâm khu vực Bắc Trung Bộ. Toàn tỉnh có 21 đơn vị hành chính, trong đó có 11 huyện miền núi chiếm 86% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Đây cũng chính là địa bàn sinh sống từ lâu đời của nhiều thành phần dân tộc khác nhau. Theo số liệu thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, tính đến ngày 1/4/2019, ngoài người Kinh (Việt), trên địa bàn tỉnh Nghệ An có tất cả 46 dân tộc thiểu số, với số lượng là 491.267 người. Ngoài các dân tộc di cư từ nơi khác đến trong khoảng mấy chục năm trở lại đây, có 5 dân tộc có dân số đông và đã sinh sống lâu đời trên mảnh đất vùng miền Tây Nghệ An là Mông, Khơ mú, Ơ Đu, Thái, Thổ (Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, 2019).

Sau ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng (1954) và đặc biệt sau khi cả nước thống nhất cùng nhau tiến lên xây dựng đất nước, đời sống văn hóa các dân tộc ít người trong cả nước nói chung và ở vùng miền Tây Nghệ An bước đầu đã có sự thay đổi rõ rệt theo chiều hướng tăng trưởng, tiến bộ trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, trên nhiều phương diện lại có chiều hướng suy giảm, nhiều giá trị văn hóa dân tộc độc đáo của nền văn hóa bản địa bị mai một, nghèo nàn.

1. Bối cảnh văn hóa tộc người

Sự hình thành của một nền văn hóa luôn bắt đầu từ một vùng lãnh thổ nhất định về mặt địa lí. Chính trên không gian ấy, với điều kiện địa hình, thời tiết, thổ nhưỡng... sẽ hình thành lối sống, sinh hoạt, sau đó là phong tục, tín ngưỡng, văn chương, kiến trúc, trang phục, nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật trình diễn... Bên cạnh sự tồn tại có tính phổ biến của văn hóa, là tính cá biệt. Mỗi cộng đồng, trên từng không gian cụ thể lại tự chọn cho mình một kiểu ứng xử với tự nhiên và xã hội, biểu hiện thành một lối sống riêng không giống với các cộng đồng khác.

Đặc trưng văn hóa của một cộng đồng người luôn là một hệ thống hữu cơ bao gồm các giá trị văn hóa vật chất lẫn tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội... Do đó, có thể nói, nó là một bộ phận quan trọng không thể thiếu cho sự tồn tại và phát triển của cộng đồng người (Nguyễn Hữu Thông, 2004).

Theo quan điểm chung hiện nay, người ta thường cho rằng sự chậm tiến của các dân tộc thiểu số là do người dân có đời sống lạc hậu và bảo thủ, ít có khả năng phát triển bởi vì trí tuệ họ thấp kém, tuy điều đó ít khi được nói thẳng ra, nhưng nó tồn tại trong tiềm thức của nhiều người. Với cách nhìn đó, người ra cho rằng, việc từ bỏ các tập quán truyền thống là đương nhiên hợp với đạo lý. Thông điệp này dường như xuyên suốt một cách công khai trong khi xây dựng và thực hiện các công trình nhà nước cũng như các dự án hỗ trợ của nước ngoài (Mai Thanh Sơn và cộng sự, 2007).

Văn hóa của những cộng đồng dân tộc thiểu số bị đánh giá là “lạc hậu” và những tộc người đã phát triển cao hơn như người Kinh, người Thái có quyền và có trách nhiệm chuyển hóa họ cho phù hợp với trật tự tự nhiên của sự tiến hóa ở giai đoạn cao

hơn. Những thành phần của văn hóa thiểu số bị coi là “lạc hậu” như du canh sẽ bị loại ra như những vật cản của sự tiến bộ. Nhưng vì việc xác định đâu là lạc hậu lại xuất phát từ ưu thế của những người tự coi mình là “tiên bộ hơn” và “có nhận thức hơn”, nên thay đổi văn hóa đã bị áp đặt trong các cộng đồng người Mông, Khơ mú, Ô Đu hay ở nhóm người Đan Lai (Thổ) theo tiêu chuẩn và nhận thức của người Kinh, người Thái. Quan niệm cho rằng, dân tộc này có nền văn hóa lạc hậu hơn, hay tiến bộ hơn dân tộc kia là làm lu mờ bản chất thích ứng của văn hóa. Họ đã không thấy được rằng văn hóa của một cộng đồng người chính là sự thích ứng với những điều kiện xã hội và sinh thái đặc thù. Đây là cả một quá trình tích lũy kinh nghiệm nhờ tiếp xúc chặt chẽ với tự nhiên, dưới áp lực chọn lọc trong quá trình tiến hóa. Mọi nền văn hóa đều là tổng thể của các bộ phận ít nhiều được hòa nhập. Các bộ phận phải cùng thích ứng với nhau để làm thành một chính thể hòa nhập.

Xuất phát từ nhận thức về thực tiễn như vậy, nhưng khi các chính sách can thiệp không đạt được kết quả như mong đợi, những người làm chính sách lại cho rằng địa bàn các xã khó khăn về mọi mặt, địa hình phức tạp xa xôi, dân cư sống phân tán, cơ sở hạ tầng thấp kém, trình độ sản xuất thấp, đời sống đồng bào rất khó khăn, tỷ lệ đói nghèo cao, du canh du cư tự do... Nhìn chung, điểm xuất phát về trình độ phát triển của khu vực này rất thấp là nguyên nhân rất quan trọng hạn chế thực hiện của chương trình. Tuy nhiên, dưới cách tiếp cận dân tộc học/nhân học, có thể thấy rõ trong các chương trình, chính sách của Nhà nước chưa tính đến sự đa dạng và khác biệt văn hóa, chưa thực sự đề cao tiếng nói của người dân và chưa thực sự coi người dân là chủ thể của phát triển. Các rào cản văn hóa được hình thành bởi nhiều nguyên nhân, nhưng quan trọng nhất là cách nhìn rập khuôn, một chiều và những nhận định mang tính áp đặt.

Cuộc sống khó khăn đã cuốn trôi tất cả những gì không còn môi trường tồn tại. Trong số những yếu tố bị cuốn đi trong dòng thác ấy, có không ít các giá trị văn hóa mà thực tế không phải là trở lực của phát triển. Các tri thức bản địa vẫn có tác dụng nhất định trong công cuộc mưu sinh thời hiện đại. Tuy nhiên, không phải tất cả các chủ trương, chính sách của nhà

nước đều có thể tạo điều kiện cho người dân giữ lại được các thể mạnh văn hóa của mình. Những mô tả của các nhà Dân tộc học/ Nhân học trong những năm qua luôn đề cập đến sự phát triển như một sức ép đối với công tác bảo tồn và gìn giữ di sản văn hóa dân tộc.

1.1. Trong lĩnh vực văn hóa vật thể

Hiện nay, các thành tố văn hóa như nhà cửa, trang phục, các phương tiện sinh hoạt... có nhiều thay đổi. Điều này đi liền với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, những cải tiến về nguyên vật liệu và sự thay đổi về thị hiếu thẩm mỹ của người dân. Các bản làng theo kiểu truyền thống không còn được như xưa, nhất là các bản làng của cộng đồng người Thái, người Thổ, người Ô Đu. Do thiếu nguyên vật liệu, nhất là gỗ, đồng thời do ảnh hưởng tập quán của người Kinh nên hầu hết các dân tộc ở nhà sàn có xu hướng chuyển sang nhà đất, tạo nên môi trường sinh hoạt không phù hợp với địa bàn miền núi và làm mất đi nét độc đáo trong kiến trúc nhà ở. Cách bố trí bên trong ngôi nhà cũng ít tính đặc trưng tộc người hơn. Đời sống kinh tế ngày càng phát triển khiến cho các vật dụng sinh hoạt trong gia đình cũng trở nên phong phú, tiện nghi hơn nhưng trong một bộ phận người dân, nhất là giới trẻ, đã nảy sinh tâm lý chuộng những đồ dùng hiện đại, dẫn đến tình trạng những sản phẩm truyền thống bị xem nhẹ.

Sự thay đổi này không phù hợp với sinh hoạt văn hóa của các cộng đồng dân tộc nơi miền núi phía Tây Nghệ An, vừa làm mai một và mất đi những sắc thái độc đáo trong kiến trúc nhà ở của các dân tộc, dẫn tới khuynh hướng quy hoạch nhà ở trong các bản làng theo kiểu kiến trúc đô thị, xa lạ với nếp sống truyền thống lâu đời của cư dân miền núi.

Trong khoảng vài chục năm trở lại đây, việc thực hiện các chương trình di dân tái định cư bắt buộc cho các dự án

phát triển của nhà nước, đã dẫn đến tình trạng phá vỡ cấu trúc làng bản cổ truyền. Trong đó có không gian cư trú như nhà ở đã bị phá vỡ về cơ cấu và từ trên cơ sở của các mảnh vỡ đó, đã hình thành nên các bản làng mới không theo mong muốn, thói quen sinh hoạt của người dân. Trong quá trình thực địa, tôi đã tận mắt chứng kiến những người dân tỏ ra lúng túng trong các hoạt động ở trong chính ngôi nhà của mình. Tất cả đối với họ đều xa lạ. Việc chia lô đất xây dựng nhà ở khu tái định cư theo kiểu ô bàn cờ, nhà bám mặt đường như khu đô thị không phù hợp với phong tục tập quán của người dân miền núi.

Thực tế cho thấy những gì thu được vẫn còn rất xa với những gì cần phải đạt được. Những gì người dân có được đến hôm nay chưa tương xứng với những gì họ đã phải bỏ ra! Những khó khăn trong công cuộc phát triển đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội cho các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An vẫn đang chông chênh ở phía trước (Bùi Minh Thuận, 2017).

Trong những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống giao thông ở vùng miền núi phía Tây Nghệ An đã tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc trong việc đi lại, trao đổi hàng hóa và giao lưu mở rộng quan hệ. Sự phát triển trong các hoạt động kinh tế, nhất là trong các lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi đã góp phần cải thiện và nâng cao đời sống của người dân. Bữa ăn hàng ngày của đồng bào ngày càng phong phú và đầy đủ chất dinh dưỡng hơn. Một số tập tục lạc hậu, nấu nướng kém vệ sinh đã dần được khắc phục. Tuy nhiên, do rừng bị tàn phá, nguồn tài nguyên rừng



Trang phục phụ nữ dân tộc Thái ở miền Tây Nghệ An

ngày càng cạn kiệt nên nguồn thức ăn từ săn bắn, hái lượm, những thực phẩm tự nhiên có sẵn trong môi trường xung quanh dần đang ít đi, các tập quán canh tác cũ đang ngày càng mai một. Một số món ăn, đồ uống truyền thống trước được sử dụng hàng ngày thì nay đang hiếm dần.

Trong nhiều bản làng của người Thái trước đây quen ăn cơm nếp thì nay đã chuyển sang ăn cơm tẻ, cơm nếp chỉ còn thu hẹp trong phạm vi sinh hoạt tín ngưỡng, hội hè, lễ nghi. Món cơm lam cũng chỉ còn thấy trong các dịp lễ hội. Về đồ uống, rượu chưng cất được dùng phổ biến hơn rượu cần và trở nên thông dụng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Thuốc lá bao thay thế dần thuốc vôi. Tục ăn trầu nay chỉ còn lại chủ yếu ở một số người già. Văn hóa ăn uống và tinh hoa âm thực truyền thống của các cộng đồng dân tộc thiểu số nơi đây chỉ còn đọng lại trong các dịp lễ hội hay qua các cuộc thi ẩm thực dân tộc.

Y phục và trang sức trong đời sống của các dân tộc cũng có nhiều thay đổi do xu hướng công nghiệp hóa, cùng với đó là sự giao lưu rất mạnh mẽ với người Kinh và sự tiếp xúc với nước ngoài. Trang phục của các dân tộc phần lớn bị pha tạp và ảnh hưởng nhiều của người Kinh, các sắc thái truyền thống chỉ còn được thể hiện trong nghi lễ. Một số dân tộc như Thái, Mông đã biết sử dụng các loại sợi, vải công nghiệp để cải tiến bộ y phục truyền thống của họ, tạo nên những kiểu dáng mới lạ, đẹp mắt. Tuy nhiên, xu hướng này chưa được quan tâm đúng mức. Mặt khác, cũng chính do sự thay đổi về sở thích và chất liệu y phục đã làm suy yếu nghề dệt vải truyền thống một cách nhanh chóng trong thời gian gần đây, trong đó có mặt hàng dệt thổ cẩm rất nổi tiếng của cộng đồng người Thái, người Mông... ở miền Tây xứ Nghệ.

Hiện nay, xu hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa là nhu cầu chân chính của mọi dân tộc. Tuy nhiên, không phải cứ hiện đại

hóa là phủ nhận hết những giá trị truyền thống mà các thế hệ ông cha đã tạo dựng nên. Trước hết, chúng ta cần phải biết tôn trọng những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời tiếp thu cái hay, cái đẹp, cái mới và cách tân nó sao cho phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc.

1.2. Trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể

Trong quá trình sinh sống cùng nhau lập bản, dựng mường, các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An đã sáng tạo nên một nền văn hóa tinh thần phong phú và đa dạng mang đậm bản sắc văn hóa tộc người.

Một trong những yếu tố quan trọng, thậm chí có thể coi là quan trọng nhất thể hiện sự tồn tại của văn hóa một tộc người là ngôn ngữ. Khi các cộng đồng người như Thổ, Ô Đu bị bao vây giữa nhiều bè là cư dân của dân tộc khác, trên nguyên tắc giao tiếp, là sự thừa dần của tần suất sử dụng ngôn ngữ, và lâu dài là mất hẳn ngôn ngữ tộc người, mà điển hình là ngôn ngữ của tộc người Ô Đu. Nền nếp phong tục cũng sẽ mất dần, tiếp đó là tín ngưỡng... Các cuộc hôn phối hỗn hợp giữa người Khơ mú, Thổ, Ô Đu... với người Thái và người Kinh ngày càng diễn ra phổ biến hơn, đã làm gia tăng tốc độ suy thoái về mặt ngôn ngữ, làm giải trừ tính nguyên khiết của huyết thống, phong tục, sẽ khiến văn hóa nhanh chóng bị mai một.

Chữ viết của cộng đồng người Thái được bắt nguồn từ chữ Brahmi - một loại chữ cổ của tiếng Sanskrit (Ấn Độ) và là những biến thể gián tiếp của thứ chữ này (Viện Khoa học Xã hội Tp. Hồ Chí Minh, 2001). Cũng như những người đồng tộc ở Tây Bắc, người Thái ở miền Tây Nghệ An có truyền thống văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần vô cùng phong phú, trong đó chữ Thái đóng vai trò không kém phần quan trọng. Nó phản ánh mức độ bảo tồn văn hóa dân tộc, nhất là trong thời đại ngày nay, dân tộc và ngôn ngữ được biểu hiện như một khía cạnh chính trị, phản ánh sự mất còn của một tộc người.

Chính văn tự Thái đã góp phần quan trọng trong việc lưu truyền lại cho chúng ta một khối lượng lớn những cuốn sử chép tay trên lá cọ, giấy dó... Những tài liệu gia phả của các dòng họ, những luật tục của bản mường, những bản trường ca, những truyện thơ dài, những bài đồng dao, những nghi thức tôn giáo, những sách dạy luân lý ở đời... tất cả những thứ đó

đều là những viên ngọc quý, những tài sản tinh thần vô giá, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong đời sống của cộng đồng người Thái vùng miền Tây Nghệ An.

Tuy nhiên hiện nay, chữ Thái cổ không còn mấy người đọc được. Vấn đề đặt ra hiện nay là chúng ta phải tạo điều kiện, khuyến khích con em đồng bào Thái đọc thông, viết thạo chữ Thái, nhằm góp phần quan trọng trong việc lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc mình.

Những năm gần đây, ý thức được sự mai một ngày càng nhanh chóng về chữ viết nên một số trí thức người dân tộc Thái như Vi Ngọc Chân, Sầm Văn Bình, Lô Khánh Xuyên... đã tiến hành biên soạn các tài liệu, mở lớp dạy học chữ - tiếng Thái Lai - Tay cho cộng đồng người Thái tại địa phương và những người muốn quan tâm tìm hiểu về thứ văn tự này. Thiết nghĩ, đây là những việc làm rất đáng trân trọng, cần được khuyến khích và nhân rộng. Bởi vì, việc giữ gìn ngôn ngữ và chữ viết, chính là góp phần quan trọng để bảo tồn bản sắc văn hóa của tộc người (Trần Văn Thức, 2011).

Các dân tộc thiểu số có vốn văn hóa nghệ thuật ngôn từ hết sức phong phú, đa dạng như: truyện kể dân gian, ca dao, dân

ca, truyện ngụ ngôn, thành ngữ, tục ngữ, truyền cười... Vốn văn hóa này vô hình này chứa đựng những giá trị tri thức, tình cảm và tâm lý của các cộng đồng tộc người. Mặc dù trong thời gian gần đây đã được sưu tầm, nghiên cứu và xuất bản nhưng vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Nguy cơ các di sản văn hóa quý giá này sẽ bị mất đi cùng với sự ra đi của các thế hệ người già là một thực tế đáng báo động.

Trong lĩnh vực văn hóa tinh thần thì tín ngưỡng, lễ nghi và phong tục là những lĩnh vực của đời sống tâm linh đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống sinh hoạt văn hóa, in đậm bản sắc văn hóa của mỗi cộng đồng tộc người. Rất tiếc là thời gian gần đây, ở những vùng sâu, vùng xa lại tái hiện những hiện tượng tiêu cực như bùa chú, phép thuật chữa bệnh... Đây là những hủ tục lỗi thời, không có cơ sở khoa học và rất nguy hiểm cần phải xóa bỏ. Sinh hoạt lễ hội là hình thức sinh hoạt cộng đồng rất sinh động, phản ánh bản sắc văn hóa của tộc người hiện nay đang được khôi phục nhưng việc tổ chức còn sơ sài và bị thương mại hóa.

Cuộc sống khó khăn đã cuốn trôi tất cả những gì không còn môi trường tồn tại. Trong số những yếu tố bị cuốn đi trong dòng thác ấy, có không ít các giá trị văn hóa mà thực tế không phải là trở lực của phát triển. Các tri thức bản địa vẫn có tác dụng nhất định trong công cuộc mưu sinh thời hiện đại. Tuy nhiên, không phải tất cả các chủ trương, chính sách của nhà nước đều có thể tạo điều kiện cho người dân giữ lại được các thể mạnh văn hóa của mình. Những mô tả



Nhà Thái học Sầm Văn Bình có rất nhiều nghiên cứu về chữ Thái Lai Tay và văn học dân tộc Thái

của các nhà Dân tộc học/ Nhân học trong những năm qua luôn đề cập đến sự phát triển như một sức ép đối với công tác bảo tồn và gìn giữ di sản văn hóa dân tộc (Mai Thanh Sơn, 2007).

Nhìn chung, thực trạng văn hóa của các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An đã và đang đặt ra một vấn đề rất bức xúc hiện nay là phải xây dựng cho được một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đã được xác định trong cương lĩnh xây dựng đất nước của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới, đồng thời việc bảo tồn và phát huy những tinh hoa văn hóa của dân tộc là trọng tâm của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực văn hóa.

2. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương khóa VIII xác định 5 quan điểm chỉ đạo cơ bản để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Quan điểm đầu tiên được Đảng ta nêu ra là: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Quan điểm này không chỉ xác định vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp đổi mới mà còn thể hiện tư tưởng cơ bản của Đảng về sự gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa và kinh tế (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998).

Trước hết, vấn đề bao trùm trong chính sách dân tộc về văn hóa là phải thấm nhuần tư tưởng Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất từ đa dạng. Văn hóa, trong đó những tinh hoa của bản sắc dân tộc là phần cốt lõi, tinh túy nhất của từng dân tộc, được hình thành và định hình trong quá trình phát triển của lịch sử, là kết quả của quá trình cộng đồng thích ứng với môi trường tự nhiên và biến đổi xã hội, là động lực cho sự phát triển xã hội.

Văn hóa là hồn cốt của bất kỳ một tộc người nào. Đồng thời, văn hóa tộc người còn gắn với vấn đề chính trị - xã hội, vấn đề dân tộc. Một cộng đồng dân cư nếu để mất

đi văn hóa thì nói một cách khác hình ảnh, con người sinh học vẫn còn nhưng con người văn hóa, cộng đồng văn hóa đã hòa vào dòng chảy khác. Văn hóa là một giá trị truyền thống bền vững của các tộc người, bởi vì, nó được sinh thành và khẳng định qua hàng nghìn năm tồn tại. Nhưng mặt khác, văn hóa nói chung không phải là hiện tượng “nhất thành bất biến”, mà nó luôn vận động, biến đổi do sự tác động nhiều chiều từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Bất kỳ tộc người nào, chúng ta cũng có thể nhận thấy hiện tượng này.

Bảo tồn và phát huy vốn văn hóa phải gắn liền với sự phát triển dân tộc. Bảo tồn văn hóa với hai biện pháp: một là “bảo tồn tĩnh” là giữ lại nguyên mẫu các hiện vật hay các hiện tượng văn hóa nào đó bằng cách mô tả, giới thiệu trên sách báo, băng hình, giữ lại các hiện vật gốc trong bảo tàng; hai là “bảo tồn động” tức là gắn liền việc bảo tồn văn hóa với sinh hoạt cộng đồng.

Văn hóa và con người vốn đa dạng, mỗi dân tộc, mỗi địa phương có cốt cách và sắc thái riêng. Bởi vậy, không thể áp đặt, nhất thể hóa, đơn giản hóa một cách tùy tiện. Bản sắc văn hóa dân tộc thông qua những sắc thái văn hóa cụ thể của cuộc sống vật chất và tinh thần, tiếng nói, chữ viết của mỗi dân tộc. Nó được biểu hiện cụ thể qua việc ăn, ở, mặc, đi lại, những chuẩn mực của các mối quan hệ xã hội đã được cố định hóa trong các phong tục, tập quán, tập quán pháp; thể hiện qua các hình thức khác nhau của đời sống tinh thần như: văn học dân gian, các hình thức diễn xướng dân gian, các nghệ thuật tạo hình, lễ hội... Vì vậy, để gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc ở miền Tây Nghệ An chúng ta cần phải tiến hành những việc cơ bản sau đây:

1. Trước hết cần phải điều tra, nghiên cứu và sưu tầm những di sản văn hóa của từng dân tộc thiểu số như: Mông, Khơ mú, Ô đù, Thái và Thổ. Từ đó, đưa ra những kết luận có cơ sở khoa học và có sức thuyết phục. Đó là công việc của các nhà nghiên cứu, cần được sự phối kết hợp chặt chẽ và sự giúp đỡ của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

2. Từ kết quả nghiên cứu, chúng ta cần tuyên truyền, giới thiệu, giáo dục rộng rãi cho các dân tộc hiểu rõ nhau hơn và ý thức về giá trị văn hóa của cộng đồng mình.

3. Cần phải đưa nội dung giáo dục văn hóa của các dân tộc thiểu số vào chương trình giáo dục ở nhà trường phổ thông, coi đó là vốn tri thức văn hóa quý giá mà lớp trẻ, thế hệ sau cần phải hấp thụ qua trường lớp trước khi bước vào cuộc sống, để tiếp tục sáng tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của ông cha để lại.

4. Cần bảo tồn, tôn tạo, khai thác và phát huy di sản văn hóa của các dân tộc. Di sản văn hóa vừa là cốt lõi phản ánh bản sắc dân tộc, vừa là cơ sở để sáng tạo và xây dựng các giá trị văn hóa mới, vừa là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Các di sản văn hóa cần được giao cho một số chủ sở hữu đảm nhận để vừa khai thác, vừa bảo vệ, tôn tạo, giữ gìn và phát huy ảnh hưởng của nó đối với xã hội.

5. Để bảo tồn và phát huy vốn văn hóa quý giá của dân tộc, cần thiết phải xây dựng các nhà bảo tàng, làng văn hóa, khu du lịch... Đây sẽ là nơi tổ chức các lễ hội truyền thống, trưng bày giới thiệu văn hóa dân tộc và cũng là nơi giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

6. Trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương vùng miền Tây Nghệ An cần chú ý tạo ra môi trường sống phù hợp cho từng dân tộc cả về môi trường tự nhiên lẫn xã hội như: rừng núi, sông suối, đất đai canh tác, các quan hệ cộng đồng và các nguyên tắc ứng xử của xã hội cổ truyền. Đặc biệt là duy trì và phát triển tiếng nói, chữ viết của từng dân tộc để làm phương tiện truyền đạt những giá trị văn hóa qua các thế hệ.

7. Để thực hiện được những việc nêu trên, cần phải đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn cho từng dân tộc và nâng cao trình độ học vấn cho đồng bào. Đội ngũ cán bộ trí thức dân tộc là lớp người hấp thụ, lưu giữ và truyền bá bản sắc văn hóa dân tộc. Chính họ là cầu nối giữa đồng bào mình với xã hội và thế giới xung quanh. Tăng cường xây dựng và phát triển giáo dục miền núi là phương tiện hữu hiệu nhất



Trong thời kỳ hội nhập cần tôn trọng ý chí, văn hóa của cộng đồng các tộc người
(Đêm hội rượu cần của đồng bào dân tộc Thái ở Con Cuông)

giúp đồng bào gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình.

Trong không khí nỗ lực giữ gìn bản sắc văn hóa, coi văn hóa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc thiểu số trong thời kỳ hội nhập thì tôn trọng ý chí văn hóa của cộng đồng các tộc người là điều hết sức cần thiết. Vì vậy, cần tính toán thật kỹ càng các giải pháp nhằm đảm bảo tính hệ thống, liên tục của văn hóa các tộc người nơi đây, tránh tình trạng đặt người dân vào một không gian mà sự tiếp xúc văn hóa trở nên thụ động, một chiều không đối thoại theo kiểu bị xâm lăng văn hóa./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An (2019), *Số liệu dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCHTW khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiếp, Nguyễn Văn Diệu (1998), *Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Tp Hồ Chí Minh.
4. Mai Thanh Sơn và cộng sự (2007), *Dự án “Bước đầu tổng kế các phương pháp phát triển và tìm kiếm các cơ chế nhằm nâng cao tiếng nói của cộng đồng dân tộc thiểu số quá trình ra quyết định”*, Báo cáo phân tích tài liệu thứ cấp, Hà Nội.
5. Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên) (2004), *Ka Tu kể sống đầu ngọn nước*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
6. Bùi Minh Thuận (2017), *Phương thức mưu sinh của nhóm người Đan Lai (Thô) ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Trần Văn Thức (Chủ biên) (2011), *Địa chí huyện Quy Châu, tỉnh Nghệ An*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Viện Khoa học Xã hội Tp. Hồ Chí Minh (2001), *Lịch sử Việt Nam, Tập I*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.